

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**TH01007: XÁC SUẤT THỐNG KÊ (PROBABILITY AND STATISTICS)**

**I. Thông tin về học phần**

- Học kì: 1
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 3 (Lý thuyết 3 – Thực hành 0 – Tự học 9)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - Học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
  - Làm bài tập trên lớp: 15 tiết
- Tự học: 135 tiết (*theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên*)
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Toán
  - Khoa: Công nghệ thông tin
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành 1 <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành ... <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh  Tiếng Việt

**II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi**

\* **Mục tiêu:** Học phần giúp sinh viên phát hiện tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên, giải thích được cách thức thực hiện các suy diễn thống kê về tổng thể dựa trên số liệu mẫu, qua đó áp dụng tri thức khoa học về thống kê vào lĩnh vực chuyên ngành; có tư duy logic để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan trong chuyên ngành và trong thực tế.

\* **Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Sau khi hoàn tất Chương trình, Sinh viên có thể:	
Kiến thức chung	CĐR1: <b>Áp dụng</b> kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
Kiến thức chuyên môn	CĐR2: <b>Phân tích</b> chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.
	CĐR3: <b>Đánh giá</b> tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
	CĐR4: <b>Xây dựng</b> các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
	CĐR5: <b>Thiết kế</b> các công trình xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.

Kỹ năng chung	CĐR6: <b>Vận dụng</b> tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
	CĐR7: <b>Làm việc nhóm và lãnh đạo</b> nhóm làm việc đa chức năng.
	CĐR8: <b>Giao tiếp</b> hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng; đạt chuẩn Tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên môn	CĐR9: <b>Vận dụng</b> các hướng tiếp cận (approaches) và các phương pháp, kỹ thuật phù hợp để điều tra, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề của ngành môi trường.
	CĐR10: <b>Sử dụng</b> công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
Thái độ	CĐR11: <b>Định hướng</b> tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
	CĐR12: <b>Thể hiện</b> các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

**\* Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

*I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)*

Mã HP	Tên học phần	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT					
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6
TH01007	Xác suất thống kê	I	I	I			
		CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12
				I		I	

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng khái niệm về xác suất và các quy tắc tính xác suất vào các bài toán thực tế.	CĐR1: <b>Áp dụng</b> kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
K2	Áp dụng các kiến thức về phân bố của một biến để nhận diện được một số phân bố thường gặp trong thực tế và tính các số đặc trưng của các phân bố đó.	CĐR1: <b>Áp dụng</b> kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
K3	Áp dụng các kiến thức về thống kê mô tả, ước lượng khoảng, kiểm định giả thuyết thống kê, tương quan và hồi quy trong các bài toán thực tế của ngành chuyên môn.	CĐR2: <b>Phân tích</b> chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu. CĐR3: <b>Đánh giá</b> tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường
Kỹ năng		
K4	Vận dụng các mô hình thống kê đơn giản vào các bài toán thực tế	CĐR9: <b>Vận dụng</b> các hướng tiếp cận (approaches) và các phương pháp, kỹ thuật phù

	của ngành chuyên môn để phân tích và xử lý thông tin phục vụ NCKH	hợp để điều tra, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề của ngành môi trường.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Biểu lộ ý thức tự học tập và nghiên cứu hoàn thiện kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.	CĐR11: <b>Định hướng</b> tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.

### III. Nội dung tóm tắt của học phần

Mã: TH01007. Tên học phần: Xác suất thống kê (Tổng số tín chỉ 3: Tổng số tín chỉ lý thuyết 3 – Tổng số tín chỉ thực hành 0 – Tổng số tín chỉ tự học 9).

Học phần gồm 6 chương với nội dung: Xác suất; Biến ngẫu nhiên; Thống kê mô tả; Ước lượng tham số; Kiểm định giả thuyết thống kê; Tương quan và hồi quy.

### IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

#### 1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng.

#### 2. Phương pháp học tập

- Nghe giảng, làm bài tập, kết hợp với tự học và trao đổi với bạn học và thầy cô.

### V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Theo Quy định chung của Học viện.

- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc sách tham khảo trước khi đến lớp.

- Bài tập: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải hoàn thành ít nhất 70% lượng bài tập được giao.

- Thi giữa kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia thi giữa kỳ.

- Thi cuối kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia thi cuối kỳ.

Nếu sinh viên bỏ thi giữa kỳ sẽ không được tham gia thi cuối kỳ.

### VI. Đánh giá và cho điểm

#### 1. Thang điểm: 10

#### 2. Kế hoạch đánh giá và trọng số:

##### - Đánh giá quá trình:

+ Chuyên cần: 10 %

+ Thi giữa kỳ: 30%

##### - Đánh giá cuối kì:

+ Thi cuối kì: 60%

#### 3. Phương pháp đánh giá

**Bảng 1. Ma trận đánh giá các kết quả học tập mong đợi của học phần**

Các KQHTMD của HP	Rubric 1: Tham dự lớp (10%)	Rubric 2: Thi giữa kỳ (30%)	Rubric 3: Thi cuối kỳ (60%)
K1		x	x
K2		x	x
K3		x	x
K4			x
K5	x		

**Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần**

**(Dùng cho đánh giá thi giữa kì, cuối kì)**

<b>KQHTMĐ</b>	<b>Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ</b>
K1	Chỉ báo 1: Tính toán xác suất, xác suất có điều kiện bằng định nghĩa, tính chất, định lý.
K2	Chỉ báo 2: Xác định phân bố của biến ngẫu nhiên. Chỉ báo 3: Tính toán các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên.
K3, K4	Chỉ báo 4: Tính toán các số đặc trưng của mẫu. Chỉ báo 5: Tính toán ước lượng của giá trị trung bình, giá trị tỷ lệ. Chỉ báo 6: Thực hiện một số bài toán kiểm định tham số và phi tham số. Chỉ báo 7: Tính hệ số tương quan và đường hồi quy tuyến tính mẫu

**Rubric 1: Tham dự lớp**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tốt 8.5 – 10 điểm</b>	<b>Khá 6.5 – 8.4 điểm</b>	<b>Trung bình 4.0 – 6.4 điểm</b>	<b>Kém 0 – 3.9 điểm</b>
Thái độ tham dự	40	Luôn chú ý và đưa ra được ý kiến, đề xuất gợi mở hoặc có câu trả lời chất lượng	Khá chú ý và tham gia các hoạt động	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	60	Mỗi buổi học là 4% và theo quy định dạy và học của Học viện			

**4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần**

*Nộp bài tập chậm:* Tất cả các trường hợp nộp bài tập chậm đều không được chấp nhận

*Tham dự các bài thi:* Không tham gia bài thi viết sẽ nhận 0 điểm. Trong trường hợp có lý do chính đáng sẽ được giảng viên bố trí cho kiểm tra bù (**trừ thi kết thúc học phần**).

*Yêu cầu về đạo đức:* Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc.

**VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo**

- **Sách giáo trình/Bài giảng:**

- Lê Đức Vĩnh (2014). Xác suất thống kê. Nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp
- William Mendenhall, Robert J. Beaver, Barbara M. Beaver (2019). Introduction to probability and statistics. Cengage Learning, 774p.

- **Tài liệu tham khảo khác:**

- Đào Hữu Hồ (2007). Hướng dẫn giải các bài toán Xác suất - Thống kê. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà nội.
- Gerald Keller. (9<sup>th</sup> edition 2012). Statistics for Management and Economics. South – Western Cengage Learning, 810p
- Moore/McCabe/Craig (2012). Introduction to the Practice of Statistics (7<sup>th</sup> edition). W. H. Freeman and Company, New York, 694p.

**VIII. Nội dung chi tiết của học phần**

<b>Tuần</b>	<b>Nội dung</b>	<b>KQHTMĐ của học phần</b>
	<b>Chương 1: Xác suất</b>	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (7 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (5 tiết)	K1, K5

1-3	<p>1.1. Phép thử, sự kiện  2.1.1 Định nghĩa  1.1.2 Các phép toán trên sự kiện</p> <p>1.2. Xác suất  1.2.1 Định nghĩa xác suất  1.2.2 Xác suất có điều kiện  1.2.3 Công thức xác suất toàn phần và công thức Bayes</p> <p><b>Bài tập:</b> Hướng dẫn sinh viên làm bài tập (2 tiết)</p>	
	<p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</b> (21 tiết)  Sinh viên làm bài tập tương ứng các mục đã nghe giảng trên lớp</p>	K1, K5
3-5	<p><b>Chương 2: Biến ngẫu nhiên</b></p>	
	<p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:</b> (8 tiết)  <b>Nội dung GD lý thuyết:</b> (6 tiết)  2.1 Phân bố của biến ngẫu nhiên  2.2 Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên  2.3 Một số phân phối xác suất thường gặp  <b>Bài tập:</b> Hướng dẫn sinh viên làm bài tập (2 tiết)</p>	K1, K2, K5
	<p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</b> (24 tiết)  Sinh viên làm bài tập tương ứng các mục đã nghe giảng trên lớp</p>	K1, K2, K5
6-7	<p><b>Chương 3: Thống kê mô tả</b></p>	
	<p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:</b> (5 tiết)  <b>Nội dung GD lý thuyết:</b> (4 tiết)  3.1. Tổng thể và mẫu  3.2. Mô tả dữ liệu bằng các đại lượng số  3.2.1 Đo trung tâm  3.2.2 Đo độ phân tán  3.3. Mô tả dữ liệu bằng đồ thị  3.3.1 Bảng và biểu đồ tần suất  3.3.2 Biểu đồ hộp  <b>Bài tập:</b> Hướng dẫn sinh viên làm bài tập (1 tiết)</p>	K3, K5
	<p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</b> (15 tiết)  Sinh viên làm bài tập tương ứng các mục đã nghe giảng trên lớp</p>	K3, K5
7-10	<p><b>Chương 4: Ước lượng tham số</b></p>	
	<p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:</b> (9 tiết)  <b>Nội dung GD lý thuyết:</b> (7 tiết)  4.1 Mẫu ngẫu nhiên và phân bố của mẫu ngẫu nhiên  4.2 Ước lượng điểm  4.3 Ước lượng khoảng  4.3.1 Ước lượng khoảng cho giá trị kỳ vọng  4.3.2 Ước lượng khoảng cho giá trị xác suất  4.3.3 Kích thước mẫu cần thiết  <b>Bài tập:</b> Hướng dẫn sinh viên làm bài tập (2 tiết)</p>	K3, K4, K5
	<p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</b> (27 tiết)  Sinh viên làm bài tập tương ứng các mục đã nghe giảng trên lớp</p>	K3, K4, K5
10-14	<p><b>Chương 5: Kiểm định giả thuyết thống kê</b></p>	

	<b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: ( 12 tiết)</b> <b>Nội dung GD lý thuyết: (10 tiết)</b> 5.1 Các định nghĩa 5.2 Kiểm định giá trị kỳ vọng 5.3 Kiểm định giá trị xác suất 5.4 So sánh hai giá trị kỳ vọng 5.5 So sánh hai giá trị xác suất 5.6 Kiểm định Khi – bình phương <b>Bài tập:</b> Hướng dẫn sinh viên làm bài tập (2 tiết)	K3, K4, K5
	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (36 tiết)</b> Sinh viên làm bài tập tương ứng các mục đã nghe giảng trên lớp	K3, K4, K5
14-15	<b>Chương 6: Hồi quy tuyến tính đơn</b>	
	<b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (4 tiết)</b> <b>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</b> 6.1 Mô hình hồi quy tuyến tính đơn 6.2 Ước lượng các tham số hồi quy 6.3 Hệ số xác định và hệ số tương quan <b>Bài tập:</b> Hướng dẫn sinh viên làm bài tập (1 tiết)	K3, K4, K5
	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết)</b> Sinh viên làm bài tập tương ứng các mục đã nghe giảng trên lớp	K3, K4, K5

**IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

- Phòng học: đủ chỗ ngồi, đủ ánh sáng
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: có máy chiếu, micro
- Các phương tiện khác: bảng viết phấn, phấn, khăn lau bảng
- E- learning

**X. Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):**

- Lần 1: 7/2016
- Lần 2: 7/ 2017
- Lần 2: 7/ 2018
- Lần 4: 7/ 2019

**TRƯỞNG BỘ MÔN**  
(Kí và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm  
**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**  
(Kí và ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Văn Hạnh**

**TRƯỞNG KHOA**  
(Kí và ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**  
(Kí và ghi rõ họ tên)

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

**Giảng viên phụ trách học phần**

Họ và tên: Nguyễn Văn Hạnh	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa CNTT – Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0355 724 965
Email: <a href="mailto:nvhanh@vnua.edu.vn">nvhanh@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/nvhanh/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/nvhanh/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: qua email	

Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Tâm	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa CNTT – Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: <a href="mailto:ntmtam@vnua.edu.vn">ntmtam@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/ntmtam/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/ntmtam/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: qua email	

**Giảng viên giảng dạy học phần**

Họ và tên: Nguyễn Văn Hạnh	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa CNTT – Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 01655 724 965
Email: <a href="mailto:nvhanh@vnua.edu.vn">nvhanh@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/nvhanh/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/nvhanh/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: qua email	

Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Tâm	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa CNTT – Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: <a href="mailto:ntmtam@vnua.edu.vn">ntmtam@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/ntmtam/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/ntmtam/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: qua email	

Họ và tên: Phạm Việt Nga	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa CNTT – Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: <a href="mailto:pvnga@vnua.edu.vn">pvnga@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/pvnga/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/pvnga/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: qua email	

Họ và tên: Vũ Thị Thu Giang	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa CNTT – Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: <a href="mailto:vttgiang@vnua.edu.vn">vttgiang@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/vttgiang/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/vttgiang/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: qua email	

Họ và tên: Nguyễn Hữu Hải	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa CNTT – Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ:

Email: <a href="mailto:nhhai@vnua.edu.vn">nhhai@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/nhhai/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/nhhai/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: qua email	

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Thủy	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa CNTT – Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: <a href="mailto:nguyenbichthuy@vnua.edu.vn">nguyenbichthuy@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/ntbthuy/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/ntbthuy/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: qua email	

Họ và tên: Nguyễn Hà Thanh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa CNTT – Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: <a href="mailto:nhthanh@vnua.edu.vn">nhthanh@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/nhthanh/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/nhthanh/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: qua email	

Họ và tên: Nguyễn Thủy Hằng	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa CNTT – Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: <a href="mailto:nthang@vnua.edu.vn">nthang@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/nthang/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/nthang/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: qua email	

Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa CNTT – Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: <a href="mailto:nthuyenb@vnua.edu.vn">nthuyenb@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/nthuyen/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/nthuyen/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: qua email	

Họ và tên: Lê Thị Hạnh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa CNTT – Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: <a href="mailto:lthanh@vnua.edu.vn">lthanh@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/lthanh/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/lthanh/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: qua email	

Họ và tên: Thân Ngọc Thành	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa CNTT – Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: <a href="mailto:tnthanh@vnua.edu.vn">tnthanh@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/tnthanh/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/tnthanh/</a>
Cách liên lạc với giảng viên: qua email	